

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2062/TTr-SKHĐT-ĐKKD ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Công văn số 2310/SKHĐT-ĐKKD ngày 28 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. (130Bình)



Trần Tuệ Hiền

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2815 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức.

2. Bên cung cấp viện trợ thực hiện tại tỉnh Bình Phước trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Các doanh nghiệp, Công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc Chính phủ nước ngoài);

đ) Các Bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo

quy định của Luật, Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam và hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động;

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường;

d) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này được hiểu theo cách giải thích từ ngữ tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (viết tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. “Ban quản lý chương trình, dự án” (sau đây gọi là “Ban quản lý dự án”) là tổ chức được thành lập để giúp chủ khoản viện trợ, chủ dự án quản lý thực hiện một hoặc một số chương trình, dự án.

2. Các phương thức viện trợ bao gồm: Chương trình, dự án, phi dự án, trong đó:

a) “Chương trình” là tập hợp các hoạt động liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một hoặc nhiều giai đoạn.

b) “Dự án” là tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, dựa trên nguồn lực xác định.

c) “Phi dự án” là khoản viện trợ thực hiện một lần, riêng lẻ bằng tiền, hiện vật, hàng hoá, chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện), cung cấp các đầu vào để tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo.

3. “Cơ quan chủ quản” bao gồm:

a) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị và các cơ quan trực thuộc; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; cơ quan trực thuộc Quốc hội; Kiểm toán Nhà nước; Văn phòng Chủ tịch nước; bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ; cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b) Trường hợp các khoản viện trợ nhân đạo không có địa chỉ cụ thể, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan chủ quản;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thành lập các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học - công nghệ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Cơ quan trung ương của các tổ chức hội hoặc Liên hiệp hội được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Trường hợp bên tiếp nhận khoản viện trợ là doanh nghiệp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh là cơ quan chủ quản.

4. “Chủ khoản viện trợ” là đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ khoản viện trợ được gọi là “Chủ Dự án” trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án.

5. “Khoản viện trợ” thuộc phạm vi của Quy chế này là hỗ trợ tài chính hoặc hàng hóa và dịch vụ không phải hoàn lại mà Bên cung cấp viện trợ dành cho Bên tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo, không nhằm mục đích thương mại, lợi nhuận.

6. “Văn kiện chương trình, dự án” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ về một chương trình, dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: Mục tiêu, các hoạt động, kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời gian và kế hoạch thực hiện, tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, nghĩa vụ, quyền lợi của các bên liên quan.

7. “Viện trợ khắc phục hậu quả” bao gồm:

a) Các khoản cứu trợ khẩn cấp, các khoản viện trợ có mục đích khắc phục hậu quả của các trường hợp khẩn cấp (không bao gồm các khoản viện trợ quốc tế nêu tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP);

b) Các khoản cứu trợ sau thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai, các khoản viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai được thực hiện sau 09 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai.

8. “Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước” là các khoản viện trợ nếu bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức:

a) Các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và các pháp nhân thuộc và trực thuộc; Ủy ban nhân dân các cấp và các pháp nhân trực thuộc;

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

c) Các doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý thu, chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Các đối tượng tiếp nhận khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

9. “Vốn đối ứng” là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ. Vốn đối ứng được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác. Vốn đối ứng được sử dụng cho quá trình chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ theo yêu cầu cụ thể của chương trình, dự án.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Các khoản viện trợ chỉ được tiếp nhận, thực hiện, sử dụng khi đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt. Nguồn tiền viện trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp.

2. Không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chủ khoản viện trợ/Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trong quản lý và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ trước Cơ quan chủ quản.

4. Dòng tiền tiếp nhận và chi ra cho khoản viện trợ phải được thực hiện thông qua tài khoản tiếp nhận viện trợ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, được báo cáo đầy đủ theo quy định tại các Chương III, IV của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

6. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, Chủ khoản viện trợ được phép tự quản lý và chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng viện trợ, kết quả sử dụng viện trợ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với các nhà tài trợ. Chủ khoản viện trợ định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ) để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

7. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp khoản viện trợ vẫn chưa triển khai mà không có lý do chính đáng, Ủy ban nhân dân tỉnh được thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đã ban hành và thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về việc thu hồi quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

1. Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế - xã hội, không vì lợi ích cộng đồng.

3. Các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng viện trợ.

Điều 6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

1. Đối với các khoản viện trợ có sử dụng ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

Chương II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và các khoản viện trợ có mục tiêu trực tiếp hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền phê duyệt:

a) Các khoản viện trợ không thuộc quy định tại khoản 1 của Điều này và các khoản viện trợ khắc phục hậu quả được viện trợ trực tiếp cho địa phương không phụ thuộc vào quy mô khoản viện trợ.

b) Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ.

Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật; văn kiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ; lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại

Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Trường hợp dự án viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

c) Trường hợp dự án viện trợ có cấu phần xây dựng: Hồ sơ bao gồm thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và thành phần hồ sơ theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ chuẩn bị lập hồ sơ khoản viện trợ, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Thẩm định khoản viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

b) Trình tự, thủ tục thẩm định theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Phê duyệt khoản viện trợ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án sau:

- Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô dưới 200.000 USD (hai trăm nghìn đô la Mỹ).

- Sử dụng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh để quản lý chương trình, dự án mới.

- Thành lập Ban quản lý riêng cho từng chương trình, dự án.

2. Trên cơ sở quyết định tiếp nhận viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện

quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong khuôn khổ dự án tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Đối với dự án có cấu phần xây dựng thì thực hiện thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng, thanh toán, quyết toán các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

6. Đối với các khoản viện trợ do các Bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam thực hiện không qua Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ khoản viện trợ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

7. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn xây dựng và tiếp nhận hồ sơ các chương trình, dự án đã được bên tài trợ chấp nhận, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc tham mưu các thủ tục để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ được quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đầu tư công trong trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách tỉnh cho các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư công.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chế độ báo cáo kết thúc khoản viện trợ, báo cáo định kỳ 6 tháng, cả năm về kết quả vận động viện trợ, tình

hình giải ngân, sử dụng viện trợ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính viện trợ.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách tỉnh hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

c) Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Công an tỉnh

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên lĩnh vực viện trợ.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

c) Tham gia thẩm định và góp ý kiến về các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Thực hiện việc quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú đối với người nước ngoài làm việc trong các tổ chức tại Bình Phước.

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

e) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

4. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi tỉnh; Tham gia thẩm định và góp ý kiến về các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý ngành.

5. Sở Ngoại vụ

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan vận động, kêu gọi nguồn viện trợ của các tổ chức và cá nhân nước ngoài; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân, phối hợp thẩm định năng lực của Bên cung cấp viện trợ theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên hướng dẫn, hỗ trợ Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức xây dựng, đàm phán ký kết với Bên cung cấp viện trợ về văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật; văn kiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp thẩm định hồ sơ dự án khoản viện trợ có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

7. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

8. Các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan khác trên địa bàn tỉnh

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận của dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý; đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án. Khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng các quy định về quản lý viện trợ của Chính phủ và của tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển trên địa bàn; khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng các quy định về quản lý viện trợ của Chính phủ và của tỉnh. Phối hợp với cơ quan liên quan, tạo điều kiện cho bên cung cấp viện trợ, bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

c) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch là đầu mối trong việc quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, với nhiệm vụ tham mưu ý kiến trong việc khảo sát, lập, thẩm định, tổng hợp các khoản vốn đối ứng, theo dõi và báo cáo tình hình tiếp nhận các khoản viện trợ trên địa bàn.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền